TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/DS-ST
Ngày 28 – 8 - 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Bẩy
Bà Trương Ánh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Bích Như - là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 04/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1974. Số CCCD: 0961…
Địa chỉ cư trú: khóm B, Phường A, tỉnh Cà Mau.
Địa chỉ cư trú trước đây: Ấp C, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1961, Địa chỉ: khóm A, xã T, tỉnh Cà Mau, địa chỉ trước đây là: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2025). (có mặt)

- *Bị đơn:*

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968, số CCCD: 0961… (có mặt)
Ông Trần Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: khóm B, Phường A, tỉnh Cà Mau.
Địa chỉ cư trú trước đây: Ấp C, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Từ năm 2017 đến khoảng năm 2020, bà Phạm Thị T tham gia chơi nhiều chưng hụi 1.000.000 và 2.000.000đ, mỗi tháng khui một lần, hụi do bà H làm chủ. Nhưng

sau khi hốt hụi và cho đến khi mãn hụi đến nay, bà T vẫn không đóng đủ hụi chết. Do đó, đến ngày 20/06/2021, bà H và bà T chốt nợ lại, bà T còn nợ tiền hụi chết tổng cộng là 181.000.000đ và bà T viết Giấy nhận nợ đề ngày 20/6/2021, cam kết đến ngày 15/08/2021 dương lịch sẽ trả đủ cho bà H, nếu không trả thì chịu lãi suất. Nhưng đến nay bà T vẫn không trả được khoản nào.

Ngoài số nợ hụi trên, ngày 15/05/2023, bà H mở dây hụi 3.000.000đ, mỗi tháng khui 01 lần, gồm 18 chưng, bà T tham gia chơi 02 chân. Bà T đóng hụi sống được 5 kỳ, đến kỳ thứ 6, bà T hốt hụi cả 2 chưng được 70.800.000đ, bà H đã giao đủ. Hụi đã mãn vào ngày 15/10/2024 âm lịch, nhưng bà T mới đóng được 12.000.000đ, còn nợ lại 60.000.000đ tiền hụi.

Số tiền hụi hốt được vợ chồng bà T và ông C sử dụng chung trong gia đình. Nay bà H yêu cầu bà T và chồng là ông C trả tổng cộng cả vốn và lãi là 311.093.000đ. Trong đó, tiền vốn tổng cộng là 241.000.000đ và lãi chậm trả được tính cụ thể như sau:

Đối với số nợ 181.000.000đ, tính lãi từ ngày 20/06/2021 đến ngày 20/03/2025 là 45 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng bằng 67.603.000đ.

Đối với số tiền vốn 60.000.000đ, tính lãi từ ngày mãn hụi 15/10/2024 âm lịch đến ngày 15/03/2025 âm lịch là 5 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng bằng 2.490.000đ.

Do bà T và ông C có hoàn cảnh khó khăn nên bà đồng ý giảm lãi cho, yêu cầu bà T và ông C trả vốn là 241.000.000đ, lãi là 59.000.000đ, tổng cộng là 300.000.000đ.

Theo bản tự khai và trình bày của bà Phạm Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà tham gia chơi các dây hụi từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ do bà H làm chủ từ năm 2017 đến năm 2020, sau khi mãn hụi bà vẫn chưa đóng đủ hụi chết. Đến ngày 20/6/2021, bà và bà H đối chiếu nợ hụi với nhau, bà còn nợ bà H số tiền 181.000.0000đ và cam kết đến ngày 15/08/2021 dương lịch sẽ trả đủ cho bà H, nếu không trả thì chịu lãi suất. Việc chốt nợ và cam kết này được bà viết tại Giấy nhận nợ ngày 20/6/2021 và ký tên.

Ngoài ra, ngày 15/5/2023 âm lịch, bà có chơi 02 chưng hụi 3.000.000đ do bà H làm chủ, đến kỳ thứ 6 thì bà hốt hết cả 02 chưng. Đến ngày 15/03/2025 âm lịch thì mãn hụi nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà vẫn chưa đóng đủ hụi chết cho bà H. Đến nay bà còn thiếu còn nợ hụi bà H số tiền 60.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng bà còn nợ bà H tiền hụi là 241.000.000đ và thống nhất trả số tiền 241.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật. Thống nhất việc bà H giảm lãi cho bà, bà còn phải trả cả vốn và lãi số tiền 300.000.000đ, trong đó vốn là 241.000.000đ và lãi là 59.000.000đ.

Sau khi bà H đòi nợ hụi thì ông Trần Văn C, chồng bà, có biết nhưng do bận đi làm nên không đến Tòa án được.

Đối với ông Trần Văn C đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H nhưng đến nay ông C vẫn vắng mặt và không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn C đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H và bà T đều thống nhất thừa nhận, từ năm 2017 đến năm 2020, bà T chơi nhiều chưng hụi do bà H làm chủ, quá trình chơi hụi, bà T đã hốt hụi và được bà H giao đủ hụi, nhưng bà T không đóng hụi chết đầy đủ nên ngày 20/6/2021, bà T và bà H cùng đối chiếu và thỏa thuận với nhau, bà T còn nợ bà H số tiền hụi 181.000.000đ, thời hạn trả nợ vào ngày 15/8/2021, nếu không trả sẽ bị tính lãi (Bút lục số 18). Ngoài ra, ngày 15/5/2023, bà T có chơi 02 chưng hụi 3.000.000đ do bà H làm chủ, mỗi tháng khui một lần. Quá trình chơi hụi, đến kỳ khui thứ 6 thì bà T hốt hết cả 02 chưng. Sau khi hốt hụi, bà T đóng hụi chết không đầy đủ, đến nay đã mãn hụi nhưng vẫn còn thiếu 60.000.000đ. Nay bà H yêu cầu trả tổng cộng số nợ hụi còn thiếu là 241.000.000đ và lãi phát sinh được tính với mức lãi 0,83%/tháng, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 181.000.000đ, lãi được tính từ ngày 20/06/2021 đến ngày 20/03/2025 là 45 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng bằng 67.603.000đ. Đối với số tiền vốn 60.000.000đ, tính lãi từ ngày mãn hụi 15/10/2024 âm lịch đến ngày 15/03/2025 âm lịch là 5 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng bằng 2.490.000đ. Tổng cộng các khoản nợ vốn và lãi là 311.093.000đ.

Do bà T có khó khăn nên bà H giảm lãi số tiền 11.093.000đ, chỉ yêu cầu trả tổng cộng số tiền 300.000.000đ, trong đó vốn là 241.000.000đ, lãi là 59.000.000đ, bà T đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện thống nhất của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu ông C cùng với bà T phải có trách nhiệm trả khoản nợ của bà H, xét thấy, khoản nợ hụi này phát sinh trong thời kỳ bà T và ông C chung sống với nhau, được sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, vì vậy, bà H yêu cầu bà T và ông C cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, bà T và ông C phải chịu đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận theo quy định. Bà H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 357, 471 Bộ luật dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Buộc bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C thanh toán cho bà Nguyễn Thị Cẩm H tổng các khoản là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn), trong đó vốn là 241.000.000đ, lãi là 59.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà T và ông C phải nộp 7.500.000đ (chưa nộp).

Bà H không phải nộp. Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.777.000đ theo biên lai thu số 0010629 vào ngày 08/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H, bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh